

Số: 2136/QĐ-UBND

Triệu Phong, ngày 14 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về
Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về
quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị
và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh
Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử
huyện Triệu Phong đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 1709/SXD-QHKT ngày 12/11/2018 của Sở Xây dựng
về việc tham gia ý kiến Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 1, thị trấn
Ái Tử, huyện Triệu Phong;

Căn cứ Báo cáo số 68/BC-KTHT ngày 03/12/2018 của Phòng Kinh tế và Hạ
tầng về việc thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 1, thị trấn
Ái Tử, huyện Triệu Phong;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (Tờ trình số 140/TTr-
KTHT ngày 03/12/2018),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 1, thị
trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 1, thị
trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

2. Địa điểm: Tiểu khu 1, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Phong.

4. Tổ chức lập quy hoạch: Công ty Cổ phần Kiến trúc T'HOME.

5. Phạm vi và ranh giới quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 bao gồm toàn bộ Tiểu
khu 1 với diện tích 102,95 ha.

6. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: 31,0 ha, có
ranh giới như sau:

+ Phía Bắc : giáp đường Lê Lợi.

- + Phía Đông : giáp đường Quốc lộ 1A.
- + Phía Tây : giáp đường sắt Bắc - Nam.
- + Phía Nam : giáp đất xã Triệu Thượng.

- Quy mô dân số hiện trạng khu vực quy hoạch năm 2017: 828 người.

7. Mục tiêu: Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016.

8. Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng	Tầng cao
1	Đất ở hiện trạng	85.671,0	27,64	60	
2	Đất ở mới	42.930,0	13,85	60	
3	Đất công cộng đô thị	6.417,0	2,07	40	
4	Đất cơ quan	1.666,0	0,54	40	1 - 2
5	Đất an ninh	3.491,0	1,13	40	2 - 3
6	Đất nghĩa trang	16.338,0	5,27		
7	Đất hạ tầng kỹ thuật	848,0	0,27	40	1 - 2
8	Đất sản xuất TTCN	9.856,0	3,18	60	1 - 2
9	Đất cây xanh	42.266,0	13,63		
10	Đất giao thông	100.517,0	32,42		
	Tổng:	310.000,0	100,00		

9. Quy hoạch không gian và kiến trúc cảnh quan:

9.1. Trục không gian chủ đạo: Khu vực nút giao trung tâm Nguyễn Hoàng và Lê Lợi bố trí các công trình cao tầng khối lớn nhằm khai thác tối đa điểm nhìn đẹp và trục trung tâm đô thị. Toàn bộ khu vực khai thác tối đa điểm nhìn từ phía đường tránh Quốc lộ 1A.

9.2. Các loại hình nhà ở: Các khu nhà ở với chiều cao 2-3 tầng khai thác tối đa cảnh quan và môi trường khu vực. Thiết kế quy hoạch xây dựng theo mạng ô cờ, kết nối với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có khu vực lân cận đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

9.3. Cây xanh: Quy hoạch công viên cây xanh tạo không gian vui chơi giải trí, hoạt động cộng đồng, làm tăng không gian xanh trong đô thị, cải thiện môi trường sống cho khu ở, góp phần làm tăng mỹ quan đô thị cho khu vực. Bố trí hệ thống cây xanh đường phố nhằm tạo cảnh quan, bóng mát cho các trục đường giao thông, lựa chọn cây xanh phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu khu vực.

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền:

- San nền khu vực quy hoạch trên nguyên tắc phù hợp với quy chung đã được phê duyệt, tuân thủ cao độ thiết kế các nút giao của mạng lưới đường giao thông; cao độ khống chế từ +5,11m đến +9,5m; độ dốc nền thiết kế $i \geq 0,005$, đảm bảo thoát nước tự chảy, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phân lưu thoát nước các ô đất.

- Độ chặt yêu cầu của nền đắp $K=0,9$; nền đường đầm nén đạt $K=0,95$; riêng lớp trên cùng của nền đường (dày 0,3m) đạt độ chặt $K=0,98$. Vật liệu dùng để san nền là đất cấp phối đồi.

b. Thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước của khu quy hoạch ra các tuyến công chính trên đường thu gom về hồ cảnh quan trung tâm sau đó thoát về hướng xã Triệu Thượng.

- Hệ thống cống: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải, bao gồm các tuyến cống tròn BTLT có $D=500\div 1000\text{mm}$ để thoát nước về tuyến mương chính phía Đông Bắc khu quy hoạch.

- Bố trí giếng thu, giếng kiểm tra và ga thu nước dọc theo các tuyến cống thoát nước mưa, bố trí các giếng thu tại vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống, tại điểm xả các công trình để nạo vét bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa cống theo quy định.

10.2. Quy hoạch giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

- QL1A (Đường Lê Duẩn) mặt cắt ngang: $(6,0+11,5+2,0+11,5+6,0) = 37,0\text{m}$.

b. Giao thông nội thị:

- Đường mặt cắt ngang 1-1: $(6,0+14,0+6,0) = 26,0\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 2-2: $(5,0+10,5+5,0) = 20,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 3-3: $(4,0+7,5+4,0) = 15,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 4-4: $(3,0+9,0+3,0) = 15,0\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 5-5: $(3,0+7,0+3,0) = 13,0\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 6-6: $(2,0+5,5+2,0) = 9,5\text{m}$.

10.3. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: đấu nối vào tuyến đường dây trung áp 22kV thuộc xuất tuyến 471 trên đường Nguyễn Trãi, Lê Lợi.

- Trạm biến áp: Nâng cấp 1 TBA 160kVA và xây dựng mới 2 TBA 300kVA. Trạm được sử dụng là loại trạm treo trên 02 cột, cấp điện áp 22/0,4kV, bảo vệ đóng cắt phía trung áp bằng cầu chì tự rơi, phía hạ áp bằng aptomat nhằm bảo đảm cấp nguồn cho khu vực dân cư và hệ thống điện chiếu sáng.

- Đường dây 0,4kV: thiết kế đi trên không, bố trí trên 1 phía tuyến đường, tìm tuyến cách bó vỉa hoàn thiện 0,5m; dây dẫn sử dụng cáp nhôm vặn xoắn LV/ABC 4x70mm², 95, 120mm²...phù hợp với phụ tải.

- Chiếu sáng đường phố: bố trí đi kết hợp với tuyến đường dây trung, hạ áp, độ cao treo đèn 9,0m; cấp nguồn và điều khiển tuyến chiếu sáng từ TBA xây dựng mới; sử dụng đèn LED công suất 70-120W ánh sáng trắng, độ chói trung bình đạt 0,75 cd/m.

10.4. Quy hoạch cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực 150 (l/người.ngày). Tỷ lệ dân số được cấp nước 100%.

- Nguồn nước cung cấp cho khu quy hoạch vẫn là nguồn lấy từ nhà máy nước thị xã Quảng Trị; mạng lưới đường ống cấp nước thiết kế theo hai mạng lưới: mạng vòng và mạng nhánh, đảm bảo cấp nước đủ lưu lượng đến các hộ tiêu dùng, đồng thời đảm bảo cấp đủ nước đầy đủ và kịp thời cho công tác PCCC.

10.5. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

- Mạng lưới thông tin có dạng hình tia kết hợp với dạng phân nhánh.
- Sử dụng cáp quang thuê bao từ tủ phân phối chính tới từng hộ sử dụng, cáp quang phải đảm bảo đặc tính cơ học và đặc tính truyền dẫn của cáp ổn định trong suốt quá trình lắp đặt và sử dụng, có khả năng chịu được tác động của môi trường, tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển, lắp đặt dễ hàn nối và sửa chữa.

10.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải: Nước thải từ mạng lưới thoát nước của khu vực chỉ là nước thải sinh hoạt gia đình, toàn bộ nước thải sẽ được xử lý tại bể phốt mỗi hộ gia đình (qua ngăn lắng và lọc) sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước chung. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là cống BTLT có D=300 theo chế độ tự chảy với độ dốc $i \geq 1/D$ (D: đường kính cống, mm).

b. Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt của tiểu khu phải được phân loại từ nguồn thải thành các chất thải rắn vô cơ, hữu cơ trước khi chuyển đến khu bãi xử lý. Toàn bộ rác thải sẽ được Trung tâm môi trường đô thị huyện thu gom và chuyển đến khu chôn lấp rác tập trung tại xã Triệu Ái để xử lý.

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm phối hợp với đơn vị tư vấn, UBND thị trấn Ái Tử và các cơ quan có liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch chi tiết để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Thủ trưởng các Phòng, Ban, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND thị trấn Ái Tử chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Ct, các PCT UBND huyện;
- CPVP, CVct;
- Lưu: VTUB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ✓
CHỦ TỊCH



Nguyễn Triều Thương

Số: 2137/QĐ-UBND

Triệu Phong, ngày 14 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về
Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về
quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị
và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh
Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử
huyện Triệu Phong đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 1707/SXD-QHKT ngày 12/11/2018 của Sở Xây dựng
về việc tham gia ý kiến Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 2, thị trấn
Ái Tử, huyện Triệu Phong;

Căn cứ Báo cáo số 69/BC-KTHT ngày 03/12/2018 của Phòng Kinh tế và Hạ
tầng về việc thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 2, thị trấn
Ái Tử, huyện Triệu Phong;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (Tờ trình số 141/TTr-
KTHT ngày 03/12/2018),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 2, thị
trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 2, thị
trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

2. Địa điểm: Tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Phong.

4. Tổ chức lập quy hoạch: Công ty Cổ phần Kiến trúc T'HOME.

5. Phạm vi và ranh giới quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 bao gồm toàn bộ Tiểu
khu 2 với diện tích 55,0 ha.

6. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: 15,5 ha, có
ranh giới như sau:

- Phía Bắc : giáp đường Nguyễn Huệ.

- Phía Đông : giáp Quốc lộ 1A.
- Phía Tây : giáp đường Đoàn Khuê.
- Phía Nam : giáp đường Lê Lợi.
- Quy mô dân số hiện trạng khu vực quy hoạch năm 2017: 963 người.

7. Mục tiêu: Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016.

8. Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng	Tầng cao
1	Đất ở hiện trạng	53.804,0	34,71	60	
2	Đất ở mới	7.607,0	4,91	60	
3	Đất công cộng đô thị	3.018,0	1,95	60	
4	Đất công cộng đơn vị ở	1.160,0	0,75	60	1 - 2
5	Đất giáo dục	19.824,0	12,79	40	2 - 3
6	Đất y tế	12.303,0	7,94	40	2 - 3
7	Đất cơ quan	572,0	0,37	40	2 - 3
8	Đất cây xanh	8.170,0	5,27		
9	Đất giao thông	48.542,0	31,32		
	Tổng:	155.000,0	100,00		

9. Quy hoạch không gian và kiến trúc cảnh quan:

9.1. Trục không gian chủ đạo: Toàn bộ khu vực khai thác tối đa điểm nhìn từ phía đường tránh Quốc lộ 1A, kết nối với các trục giao thông chính như Lê Lợi, Nguyễn Hoàng,...

9.2. Các loại hình nhà ở: Các khu nhà ở với chiều cao 2-3 tầng khai thác tối đa cảnh quan và môi trường khu vực. Thiết kế quy hoạch xây dựng theo mạng ô cờ, kết nối với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có khu vực lân cận đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

9.3. Cây xanh: Quy hoạch công viên cây xanh tạo không gian vui chơi giải trí, hoạt động cộng đồng, làm tăng không gian xanh trong đô thị, cải thiện môi trường sống cho khu ở, góp phần làm tăng mỹ quan đô thị cho khu vực. Bố trí hệ thống cây xanh đường phố nhằm tạo cảnh quan, bóng mát cho các trục đường giao thông, lựa chọn cây xanh phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu khu vực.

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền:

- San nền khu vực quy hoạch trên nguyên tắc phù hợp với quy chung đã được phê duyệt, tuân thủ cao độ thiết kế các nút giao của mạng lưới đường giao thông; cao độ không chế từ +9,0m đến +10,3m; độ dốc nền thiết kế $i \geq 0,005$, đảm bảo thoát nước tự chảy, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phân lưu thoát nước các ô đất.

- Độ chặt yêu cầu của nền đắp $K=0,9$; nền đường đầm nén đạt $K=0,95$; riêng lớp trên cùng của nền đường (dày 0,3m) đạt độ chặt $K=0,98$. Vật liệu dùng để san

nền là đất cấp phối đồi.

b. Thoát nước mưa:

- Phân chia thành 2 lưu vực: lưu vực 1: toàn bộ khu vực phía Nam đường Đặng Thí thoát về Tiểu khu 1; lưu vực 2: toàn bộ khu vực phía Bắc đường Đặng Thí thoát về Tiểu khu 6 và Tiểu khu 3.

- Hệ thống công: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải, bao gồm các tuyến cống tròn BTLT có $D=500\div 1000\text{mm}$ để thoát nước về tuyến mương chính phía Đông Bắc khu quy hoạch.

- Bố trí giếng thu, giếng kiểm tra và ga thu nước dọc theo các tuyến cống thoát nước mưa, bố trí các giếng thu tại vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống, tại điểm xả các công trình để nạo vét bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa cống theo quy định.

10.2. Quy hoạch giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

- QL1A (Đường Lê Duẩn) mặt cắt ngang: $(6,0+11,5+2,0+11,5+6,0) = 37,0\text{m}$.

b. Giao thông nội thị:

- Đường mặt cắt ngang 1-1: $(6,0+14,0+6,0) = 26,0\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 2-2: $(5,0+10,5+5,0) = 20,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 3-3: $(4,0+7,5+4,0) = 15,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 4-4: $(3,0+7,0+3,0) = 13,0\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 5-5: $(2,0+5,5+2,0) = 9,5\text{m}$.

10.3. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: đấu nối vào tuyến đường dây trung áp 22kV thuộc xuất tuyến 471 trên đường Nguyễn Trãi, Lê Lợi;

- Trạm biến áp: không đầu tư thêm các trạm biến áp, nâng cấp TBA Chu Văn An từ 100kVA lên thành 400kVA để bảo đảm cấp nguồn cho khu vực dân cư và hệ thống điện chiếu sáng.

- Đường dây 0,4kV: thiết kế đi trên không, bố trí trên 1 phía tuyến đường, tìm tuyến cách bó vỉa hoàn thiện 0,5m; dây dẫn sử dụng cáp nhôm vặn xoắn LV/ABC 4x70mm², 95, 120mm²...phù hợp với phụ tải.

- Chiếu sáng đường phố: bố trí đi kết hợp với tuyến đường dây trung, hạ áp, độ cao treo đèn 9,0m; cấp nguồn và điều khiển tuyến chiếu sáng từ TBA xây dựng mới; sử dụng đèn LED công suất 70-120W ánh sáng trắng, độ chói trung bình đạt 0,75 cd/m.

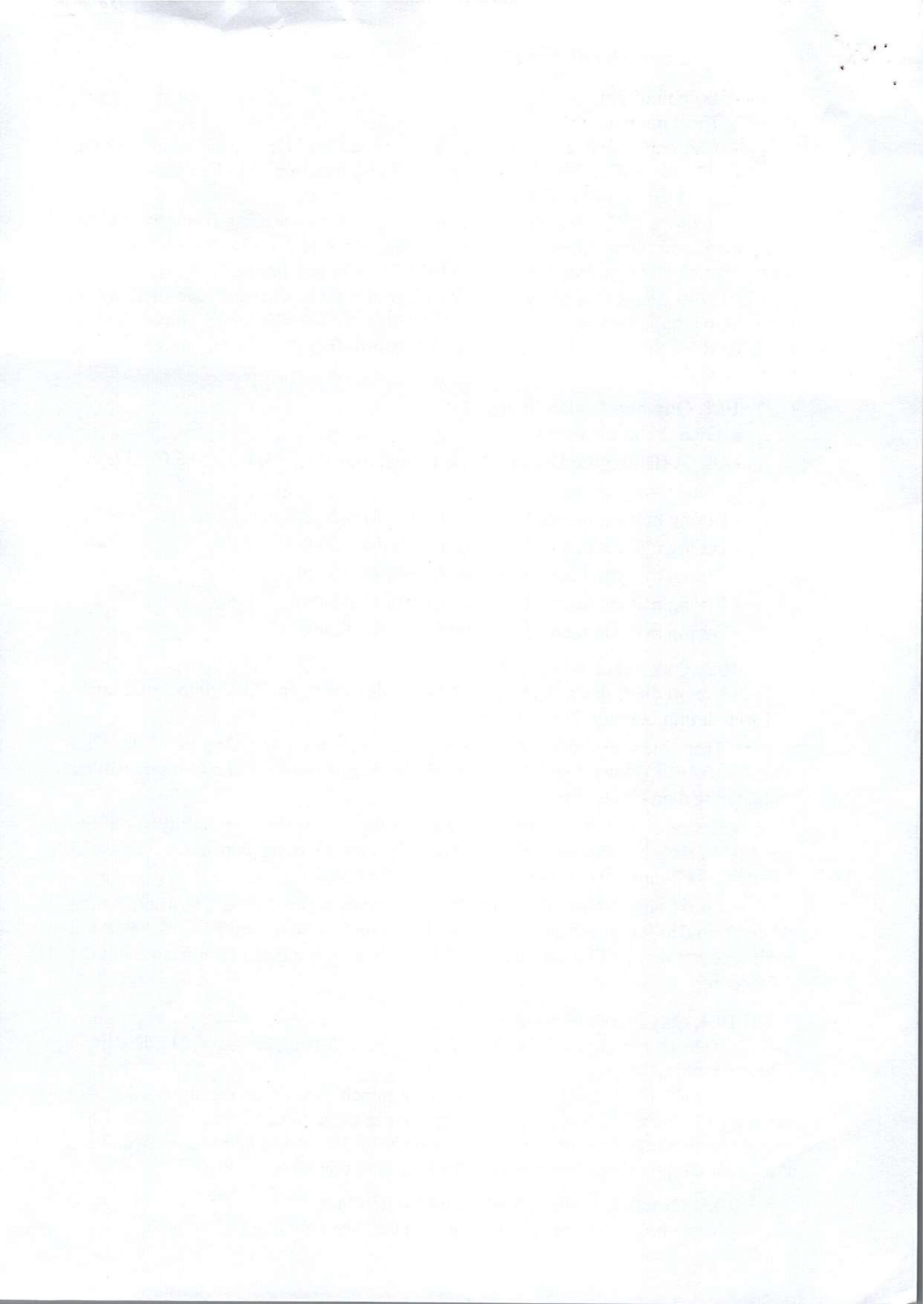
10.4. Quy hoạch cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực 150 (l/người.ngày). Tỷ lệ dân số được cấp nước 100%.

- Nguồn nước cung cấp cho khu quy hoạch vẫn là nguồn lấy từ nhà máy nước thị xã Quảng Trị; mạng lưới đường ống cấp nước thiết kế theo hai mạng lưới: mạng vòng và mạng nhánh, đảm bảo cấp nước đủ lưu lượng đến các hộ tiêu dùng, đồng thời đảm bảo cấp đủ nước đầy đủ và kịp thời cho công tác PCCC.

10.5. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

- Mạng lưới thông tin có dạng hình tia kết hợp với dạng phân nhánh.



- Sử dụng cáp quang thuê bao từ tủ phân phối chính tới từng hộ sử dụng, cáp quang phải đảm bảo đặc tính cơ học và đặc tính truyền dẫn của cáp ổn định trong suốt quá trình lắp đặt và sử dụng, có khả năng chịu được tác động của môi trường, tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển, lắp đặt dễ hàn nối và sửa chữa.

10.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải: Nước thải từ mạng lưới thoát nước của khu vực chỉ là nước thải sinh hoạt gia đình, toàn bộ nước thải sẽ được xử lý tại bể phốt mỗi hộ gia đình (qua ngăn lắng và lọc) sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước chung. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là cống BTLT có $D=300$ theo chế độ tự chảy với độ dốc $i \geq 1/D$ (D : đường kính cống, mm).

b. Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt của tiểu khu phải được phân loại từ nguồn thải thành các chất thải rắn vô cơ, hữu cơ trước khi chuyển đến khu bãi xử lý. Toàn bộ rác thải sẽ được Trung tâm môi trường đô thị huyện thu gom và chuyển đến khu chôn lấp rác tập trung tại xã Triệu Ái để xử lý.

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm phối hợp với đơn vị tư vấn, UBND thị trấn Ái Tử và các cơ quan có liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch chi tiết để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Thủ trưởng các Phòng, Ban, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND thị trấn Ái Tử chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

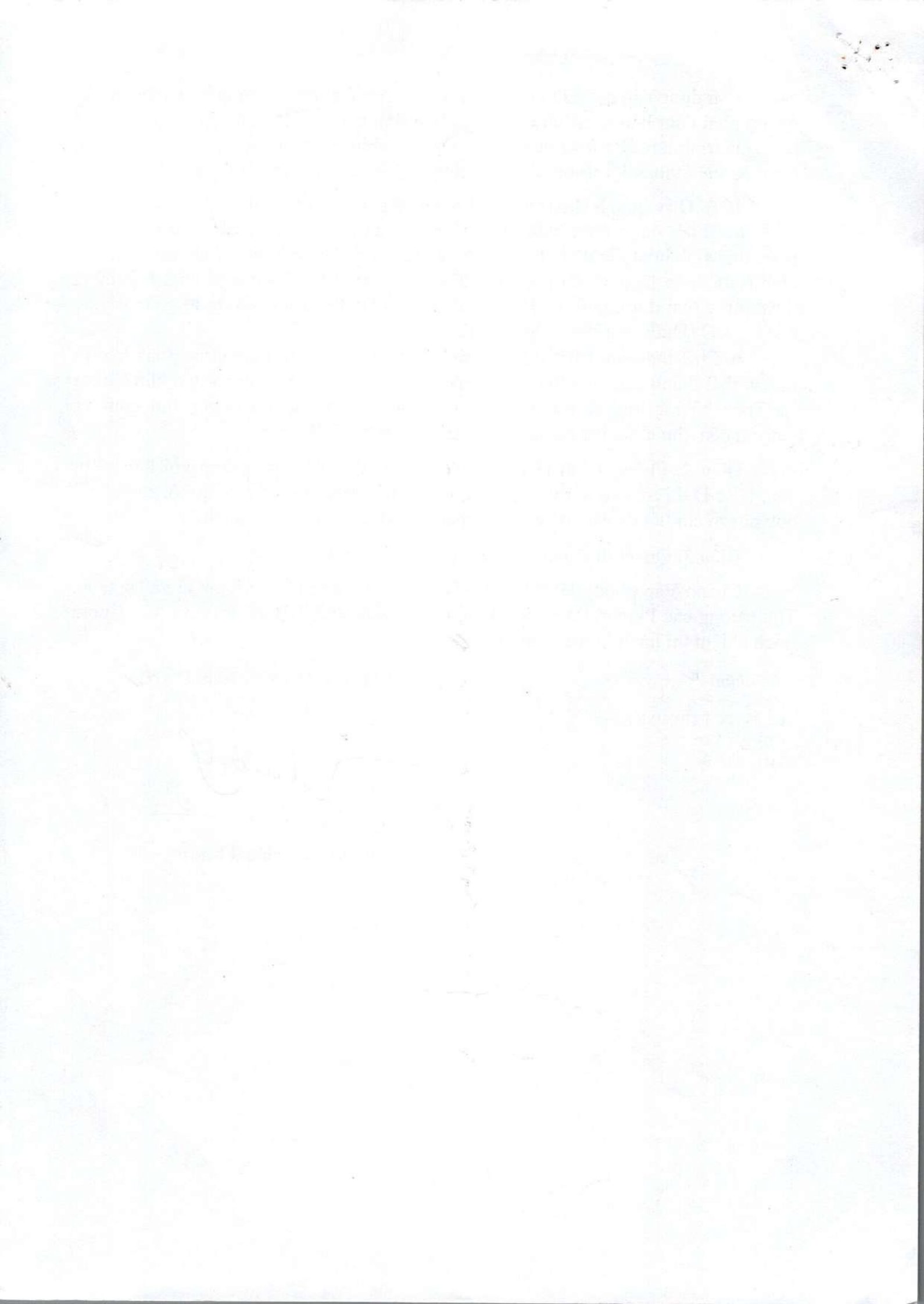
Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Ct, các PCT UBND huyện;
- CPVP, CVct;
- Lưu: VTUB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ✓
CHỦ TỊCH



Nguyễn Triều Thương



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về
Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về
quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị
và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh
Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử
huyện Triệu Phong đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Văn bản của Sở Xây dựng số 2223/SXD-QHKT ngày
25/12/2019 và số 197/SXD-QHKT ngày 17/02/2020 về việc ý kiến Quy hoạch chi
tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 3, 4, 5, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

Căn cứ Báo cáo số 09/BC-KTHT ngày 09/3/2020 của Phòng Kinh tế và Hạ
tầng về việc thẩm định Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử,
huyện Triệu Phong;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (Tờ trình số 10/TTr-KTHT
ngày 10/3/2020),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử,
huyện Triệu Phong với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử,
huyện Triệu Phong.

2. Địa điểm: Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Phong.

4. Tổ chức lập quy hoạch: Công ty Cổ phần Kiến trúc T'HOME.

5. Phạm vi và ranh giới quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 bao gồm toàn bộ Tiểu khu 3 với
diện tích 86,4 ha.

6. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: 43,35 ha, có
ranh giới như sau:

- + Phía Bắc : giáp đường Hai Bà Trưng.
- + Phía Đông : giáp đường Quốc lộ 1A.
- + Phía Tây : giáp đường sắt Bắc - Nam.
- + Phía Nam : giáp đường Nguyễn Huệ.

- Quy mô dân số hiện trạng khu vực quy hoạch năm 2017: 1.092 người.

7. Mục tiêu: Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016.

8. Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng (tối đa)
A	Đất dân dụng	137.587,0	31,7	
I	Đất ở	85.711,0	19,1	
1	Đất dân cư hỗn hợp	70.630,0	16,3	60
2	Đất ở mới	15.081,0	3,5	60
II	Đất công cộng dịch vụ đô thị	51.876,0	12,0	
1	Đất giáo dục	28.325,0	6,5	40
2	Đất văn hóa	11.431,0	2,6	40
3	Đất y tế	1.782,0	0,4	40
4	Đất cây xanh đơn vị ở	8.098,0	1,9	10
5	Đất công cộng đơn vị ở	2.240,0	0,5	40
B	Đất ngoài khu dân dụng	295.910,0	68,3	
I	Đất cơ quan hành chính	37.097,0	8,6	40
II	Đất di tích, tôn giáo, tín ngưỡng	27.736,0	6,4	30
III	Đất công cộng cấp đô thị	13.583,0	3,1	40
IV	Đất dự kiến phát triển	4.566,0	1,1	40
V	Đất an ninh - quân sự	11.160,0	2,6	40
VI	Đất thể dục thể thao	31.361,0	7,2	
VII	Đất cây xanh cấp đô thị	51.140,0	11,8	10
1	Cây xanh cảnh quan	29.484,0	6,8	
2	Cây xanh chuyên đề	12.406,0	2,9	10
3	Cây xanh cách ly	9.250,0	2,1	
VIII	Đất bãi đỗ xe	1.310,0	0,3	10
IX	Đất giao thông	117.957,0	27,2	
	Tổng:	433.497,0	100,0	

9. Quy hoạch không gian và kiến trúc cảnh quan:

9.1. Trục không gian chủ đạo: Khu vực trung tâm gắn kết đường Nguyễn Hoàng bố trí các công trình cao tầng nhằm khai thác tối đa điểm nhìn đẹp và trục trung tâm đô thị. Toàn bộ khu vực khai thác tối đa điểm nhìn từ phía đường Quốc lộ 1A và hướng về phía hồ Sắc Tứ.

9.2. Các loại hình nhà ở: Các khu nhà ở với chiều cao 2-3 tầng khai thác tối

đa cảnh quan và môi trường khu vực. Thiết kế quy hoạch xây dựng theo mạng ô cò, kết nối với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có khu vực lân cận đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

9.3. Cây xanh: Khu vực công viên cây xanh ven bờ hồ Sắc Tứ tạo không gian mở cho khu đô thị, tạo cảm giác thanh bình, yên tĩnh ở phía Bắc khu đất, góp phần làm tăng mỹ quan đô thị cho khu vực. Bố trí hệ thống cây xanh đường phố nhằm tạo cảnh quan, bóng mát cho các trục đường giao thông, lựa chọn cây xanh phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu khu vực.

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền:

- San nền khu vực quy hoạch trên nguyên tắc phù hợp với quy chung đã được phê duyệt, tuân thủ cao độ thiết kế các nút giao của mạng lưới đường giao thông hiện có; cao độ khống chế từ +6,07m đến +9,65m; độ dốc nền thiết kế $i \geq 0,005$, đảm bảo thoát nước tự chảy, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phân lưu thoát nước các ô đất.

- Độ chặt yêu cầu của nền đắp $K=0,9$; nền đường đầm nén đạt $K=0,95$; riêng lớp trên cùng của nền đường (dày 0,3m) đạt độ chặt $K=0,98$. Vật liệu dùng để san nền là đất cấp phối đồi.

b. Thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước phân chia thành 2 lưu vực: Lưu vực 1: Phần lớn khu vực quy hoạch thoát về hồ Sắc Tứ. Lưu vực 2: Một phần khu vực quy hoạch ở phía Tây và dọc tuyến đường Lý Thái Tổ thoát về phía Tiểu khu 4.

- Hệ thống cống: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải, bao gồm các tuyến cống tròn BTLT có $D=500-1200\text{mm}$ để thoát nước về tuyến mương chính phía Bắc khu quy hoạch.

- Bố trí giếng thu, giếng kiểm tra và ga thu nước dọc theo các tuyến cống thoát nước mưa, bố trí các giếng thu tại vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống, tại điểm xả các công trình để nạo vét bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa cống theo quy định.

10.2. Quy hoạch giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 1A (Đường Lê Duẩn) mặt cắt ngang 1-1: $(6,0+11,5+2,0+11,5+6,0) = 37,0\text{m}$.

b. Giao thông nội thị:

- Đường mặt cắt ngang 2-2: $(3+7+13+7+3) = 33\text{m}$ (Đường quy hoạch RD06).

- Đường mặt cắt ngang 3-3: $(6+14+6) = 26,0\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 4-4: $(5+10,5+5) = 20,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 5-5: $(4+7,5+4) = 15,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 6-6: $(3+7,0+3) = 13,0\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 7-7: $(2+5,5+2) = 9,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 8-8: $(2+4+2) = 8\text{m}$.

10.3. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Đầu nối vào tuyến đường dây trung áp thuộc xuất tuyến 472 trên đường Nguyễn Huệ và xuất tuyến 473 trên đường Hai Bà Trưng; xây dựng mới và cải tạo đường dây trung áp, đường dây hạ áp cấp điện đến các hộ phụ tải.

- Trạm biến áp: Sử dụng là loại trạm treo trên 02 cột, cấp điện áp 22/0,4kV, bảo vệ đóng cắt phía trung áp bằng cầu chì tự rơi, phía hạ áp bằng aptomat nhằm bảo đảm cấp nguồn cho khu vực dân cư và hệ thống điện chiếu sáng.

- Đường dây 0,4kV: thiết kế đi trên không, bố trí trên 1 phía tuyến đường, tìm tuyến cách bó vỉa hoàn thiện 1m; kết cấu lưới 3 pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp, 10,5mA&B&C cho tuyến đi độc lập, dây dẫn sử dụng cáp nhôm vặn xoắn LV/ABC 4x70mm², 95, 120mm²...phù hợp với phụ tải.

- Chiếu sáng đường phố: bố trí đi kết hợp với tuyến đường dây trung, hạ áp, độ cao treo đèn 9,0m; cấp nguồn và điều khiển tuyến chiếu sáng từ TBA khu vực 22/0,4KV với chế độ điều khiển đóng cắt tự động theo thời gian; sử dụng đèn LED công suất 70-120W ánh sáng trắng, độ chói trung bình đạt 0,75 cd/m; dùng loại cáp vặn xoắn đi nổi LV/ABC 4x25mm²; LV/ABC 4x16mm², phụ kiện treo cáp phù hợp với cáp vặn xoắn theo quy định.

10.4. Quy hoạch cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực 150 (l/người.ngày). Tỷ lệ dân số được cấp nước 100%.

- Nguồn nước cung cấp cho khu quy hoạch vẫn là nguồn lấy từ nhà máy nước thị xã Quảng Trị; mạng lưới đường ống cấp nước thiết kế theo hai mạng lưới: mạng vòng và mạng nhánh, đảm bảo cấp nước đủ lưu lượng đến các hộ tiêu dùng, đồng thời đảm bảo cấp đủ nước đầy đủ và kịp thời cho công tác PCCC.

10.5. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

- Mạng lưới thông tin có dạng hình tia kết hợp với dạng phân nhánh.

- Sử dụng cáp quang thuê bao từ tủ phân phối chính tới từng hộ sử dụng, cáp quang phải đảm bảo đặc tính cơ học và đặc tính truyền dẫn của cáp ổn định trong suốt quá trình lắp đặt và sử dụng, có khả năng chịu được tác động của môi trường, tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển, lắp đặt dễ hàn nối và sửa chữa.

10.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải: Nước thải từ mạng lưới thoát nước của khu vực chỉ là nước thải sinh hoạt gia đình, toàn bộ nước thải sẽ được xử lý tại bể phốt mỗi hộ gia đình (qua ngăn lắng và lọc) sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước chung. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là cống BTLT có D=300 theo chế độ tự chảy với độ dốc $i \geq 1/D$ (D: đường kính cống, mm).

b. Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt của tiểu khu phải được phân loại từ nguồn thải thành các chất thải rắn vô cơ, hữu cơ trước khi chuyển đến khu bãi xử lý. Toàn bộ rác thải sẽ được Trung tâm môi trường đô thị huyện thu gom và chuyển đến khu chôn lấp rác tập trung tại xã Triệu Ái để xử lý.

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm phối hợp với đơn vị tư vấn, UBND thị trấn Ái Tử và các cơ quan có liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch chi tiết để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng,
Thủ trưởng các Phòng, Ban, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND thị trấn Ái Tử chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CPVP, CVct;
- Lưu: VTUB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN,
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Phan Văn Linh

10-11-77



10-11-77

10-11-77

Số: 322 /QĐ-UBND

Triệu Phong, ngày 13 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử huyện Triệu Phong đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Văn bản của Sở Xây dựng số 2223/SXD-QHKT ngày 25/12/2019 và số 197/SXD-QHKT ngày 17/02/2020 về việc ý kiến Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 3, 4, 5, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

Căn cứ Báo cáo số 10/BC-KTHT ngày 09/3/2020 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc thẩm định Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (Tờ trình số 11/TTr-KTHT ngày 10/3/2020),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

2. Địa điểm: Tiểu khu 4, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Phong.

4. Tổ chức lập quy hoạch: Công ty Cổ phần Kiến trúc T'HOME.

5. Phạm vi và ranh giới quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 bao gồm toàn bộ Tiểu khu 4 với diện tích 62,2 ha.

6. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: 30,39 ha, có ranh giới như sau:

- + Phía Bắc : giáp xã Triệu Ái.
- + Phía Đông : giáp đường Quốc lộ 1A.
- + Phía Tây : giáp đường sắt Bắc - Nam.
- + Phía Nam : giáp đường Hai Bà Trưng.

- Quy mô dân số hiện trạng khu vực quy hoạch năm 2019: 699 người.

7. Mục tiêu: Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016.

8. Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng (tối đa)
A	Đất dân dụng	97.267,0	32,0	
I	Đất ở	93.644,0	30,8	
1	Đất dân cư hỗn hợp	76.573,0	25,2	60
2	Đất ở mới	17.071,0	5,6	60
II	Đất công cộng dịch vụ đô thị	3.623,0	1,2	
1	Đất văn hóa	3.623,0	1,2	40
B	Đất ngoài khu dân dụng	206.633,0	68,0	
I	Đất cơ quan hành chính	2.148,0	0,7	40
II	Đất thương mại - dịch vụ	43.478,0	14,3	40
III	Đất cây xanh cấp đô thị	20.252,0	6,7	10
1	Cây xanh cảnh quan	12.724,0	4,2	10
2	Cây xanh cách ly	7.528,0	2,5	10
IV	Mặt nước	39.677,0	13,1	
V	Đất giao thông	101.078,0	33,3	
	Tổng:	303.900,0	100,0	

9. Quy hoạch không gian và kiến trúc cảnh quan:

9.1. Trục không gian chủ đạo: Khu vực trung tâm gắn kết đường Nguyễn Hoàng, khai thác tối đa điểm nhìn từ 2 phía đường Nguyễn Hoàng và hướng về phía công viên cây xanh mặt nước. Các khu thương mại - dịch vụ, công cộng được bố trí ở xung quanh khu công viên cây xanh và xen kẽ trong các khu ở.

9.2. Các khu nhà ở liền kề với chiều cao 1-5 tầng khai thác tối đa cảnh quan và môi trường khu vực. Thiết kế quy hoạch theo mạng ô cờ, kết nối với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có khu vực lân cận đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

9.3. Khu vực công viên cây xanh ven bờ hồ tạo không gian mở cho khu đô thị, tạo cảm giác thanh bình, yên tĩnh ở phía Tây khu đất, góp phần làm tăng mỹ quan đô thị cho khu vực. Bố trí hệ thống cây xanh đường phố nhằm tạo cảnh quan, bóng mát cho các trục đường giao thông, lựa chọn cây xanh phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu khu vực.

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền:

- San nền khu vực quy hoạch trên nguyên tắc phù hợp với quy chung đã

được phê duyệt, tuân thủ cao độ thiết kế các nút giao của mạng lưới đường giao thông hiện có; cao độ khống chế từ +5,00m đến +7,85m; độ dốc nền thiết kế $i \geq 0,005$, đảm bảo thoát nước tự chảy, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phân lưu thoát nước các ô đất.

- Độ chặt yêu cầu của nền đắp $K=0,9$; nền đường đầm nén đạt $K=0,95$; riêng lớp trên cùng của nền đường (dày 0,3m) đạt độ chặt $K=0,98$. Vật liệu dùng để san nền là đất cấp phối đồi.

b. Thoát nước mưa:

- Tiếp nhận lưu vực thoát nước ở Tiểu khu 3 đổ về thông qua cống qua đường trên tuyến đường Hai Bà Trưng, sau đó đổ vào hồ nước trung tâm và chảy ra khu vực ruộng thấp xã Triệu Ái; gom nước mưa trong khu vực quy hoạch thông qua hệ thống thoát nước quy hoạch, sau đó đổ vào hồ nước trung tâm.

- Hệ thống cống: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải, bao gồm các tuyến cống tròn BTLT có $D=500\div 1200\text{mm}$ để thoát nước về tuyến mương chính phía Bắc khu quy hoạch.

- Bố trí giếng thu, giếng kiểm tra và ga thu nước dọc theo các tuyến cống thoát nước mưa, bố trí các giếng thu tại vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống, tại điểm xả các công trình để nạo vét bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa cống theo quy định.

10.2. Quy hoạch giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 1A (Đường Lê Duẩn) mặt cắt ngang 1-1: $(6,0+11,5+2,0+11,5+6,0)=37,0\text{m}$.

b. Giao thông nội thị:

- Đường mặt cắt ngang 2-2: $(3+7+13+7+3)=33\text{m}$ (Đường quy hoạch RD13).

- Đường mặt cắt ngang 3-3: $(6+14+6)=26,0\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 4-4: $(4+7,5+4)=15,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 5-5: $(4+7,5+4)=15,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 6-6: $(3+7,0+3)=13,0\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 7-7: $(2+5,5+2)=9,5\text{m}$.

10.3. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Đầu nối vào tuyến đường dây trung áp thuộc xuất tuyến 472 trên đường Nguyễn Huệ và xuất tuyến 473 trên đường Hai Bà Trưng; xây dựng mới và cải tạo đường dây trung áp, đường dây hạ áp cấp điện đến các hộ phụ tải.

- Trạm biến áp: Sử dụng là loại trạm treo trên 02 cột, cấp điện áp 22/0,4kV, bảo vệ đóng cắt phía trung áp bằng cầu chì tự rơi, phía hạ áp bằng aptomat nhằm bảo đảm cấp nguồn cho khu vực dân cư và hệ thống điện chiếu sáng.

- Đường dây 0,4kV: thiết kế đi trên không, bố trí trên 1 phía tuyến đường, tìm tuyến cách bó vỉa hoàn thiện 1m; kết cấu lưới 3 pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp, 10,5mA&B&C cho tuyến đi độc lập, dây dẫn sử dụng cáp nhôm vặn xoắn LV/ABC 4x70mm², 95, 120mm²...phù hợp với phụ tải.

- Chiếu sáng đường phố: bố trí đi kết hợp với tuyến đường dây trung, hạ áp, độ cao treo đèn 9,0m; cấp nguồn và điều khiển tuyến chiếu sáng từ TBA khu vực

22/0,4KV với chế độ điều khiển đóng cắt tự động theo thời gian; sử dụng đèn LED công suất 70-120W ánh sáng trắng, độ chói trung bình đạt 0,75 cd/m; dùng loại cáp vặn xoắn đi nổi LV/ABC 4x25mm²; LV/ABC 4x16mm², phụ kiện treo cáp phù hợp với cáp vặn xoắn theo quy định.

10.4. Quy hoạch cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực 150 (l/người.ngày). Tỷ lệ dân số được cấp nước 100%.

- Nguồn nước cung cấp cho khu quy hoạch vẫn là nguồn lấy từ nhà máy nước thị xã Quảng Trị; mạng lưới đường ống cấp nước thiết kế theo hai mạng lưới: mạng vòng và mạng nhánh, đảm bảo cấp nước đủ lưu lượng đến các hộ tiêu dùng, đồng thời đảm bảo cấp đủ nước đầy đủ và kịp thời cho công tác PCCC.

10.5. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

- Mạng lưới thông tin có dạng hình tia kết hợp với dạng phân nhánh.

- Sử dụng cáp quang thuê bao từ tủ phân phối chính tới từng hộ sử dụng, cáp quang phải đảm bảo đặc tính cơ học và đặc tính truyền dẫn của cáp ổn định trong suốt quá trình lắp đặt và sử dụng, có khả năng chịu được tác động của môi trường, tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển, lắp đặt dễ hàn nối và sửa chữa.

10.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải: Nước thải từ mạng lưới thoát nước của khu vực chỉ là nước thải sinh hoạt gia đình, toàn bộ nước thải sẽ được xử lý tại bể phốt mỗi hộ gia đình (qua ngăn lắng và lọc) sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước chung. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là cống BTLT có D=300 theo chế độ tự chảy với độ dốc $i \geq 1/D$ (D: đường kính cống, mm).

b. Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt của tiểu khu phải được phân loại từ nguồn thải thành các chất thải rắn vô cơ, hữu cơ trước khi chuyển đến khu bãi xử lý. Toàn bộ rác thải sẽ được Trung tâm môi trường đô thị huyện thu gom và chuyển đến khu chôn lấp rác tập trung tại xã Triệu Ái để xử lý.

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm phối hợp với đơn vị tư vấn, UBND thị trấn Ái Tử và các cơ quan có liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch chi tiết để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Thủ trưởng các Phòng, Ban, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND thị trấn Ái Tử chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CPVP, CVct;
- Lưu: VTUB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN,
CHỦ TỊCH**



Phan Văn Linh

Số: 323/QĐ-UBND

Triệu Phong, ngày 13 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Tiểu khu 5, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử huyện Triệu Phong đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Văn bản của Sở Xây dựng số 2223/SXD-QHKT ngày 25/12/2019 và số 197/SXD-QHKT ngày 17/02/2020 về việc ý kiến Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 3, 4, 5, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

Căn cứ Báo cáo số 11/BC-KTHT ngày 09/3/2020 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc thẩm định Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 5, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (Tờ trình số 12/TTr-KTHT ngày 10/3/2020),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 5, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 5, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

2. Địa điểm: Tiểu khu 5, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Phong.

4. Tổ chức lập quy hoạch: Công ty Cổ phần Kiến trúc T'HOME.

5. Phạm vi và ranh giới quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 bao gồm toàn bộ Tiểu khu 5 với diện tích 15,6 ha.

6. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: 15,6 ha, có ranh giới như sau:

- + Phía Bắc : giáp xã Triệu Giang.
- + Phía Đông : giáp sông Thạch Hãn.
- + Phía Tây : giáp đường Lê Hồng Phong.
- + Phía Nam : giáp cầu An Mô.

- Quy mô dân số hiện trạng khu vực quy hoạch năm 2019: 279 người.

7. Mục tiêu: Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016.

8. Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng (tối đa)
I	Đất ở	47.001,0	30,13	
1	Đất dân cư hỗn hợp	37.449,0	24,01	60
2	Đất ở mới	9.552,0	6,12	60
II	Đất công cộng dịch vụ đô thị	6.640,0	4,26	
1	Đất văn hóa	1.187,0	0,76	40
2	Đất cây xanh đơn vị ở	2.140,0	1,37	10
3	Đất công cộng đơn vị ở	3.313,0	2,12	40
III	Đất giao thông	35.370,0	22,67	
B	Đất ngoài khu dân dụng	66.989,0	42,94	
I	Đất thương mại - dịch vụ	9.209,0	5,90	40
II	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	4.150,0	2,66	30
III	Đất cây xanh cấp đô thị	45.653,0	29,26	10
IV	Mặt nước	2.277,0	1,46	
V	Đất giao thông đối ngoại	5.700,0	3,65	
	Tổng:	156.000,0	100,00	

9. Quy hoạch không gian và kiến trúc cảnh quan:

9.1. Khai thác tối đa điểm nhìn về phía khu công viên cây xanh sát bờ sông; các khu thương mại - dịch vụ, công cộng được bố trí phía trên tuyến đường quy hoạch Trần Phú.

9.2. Các khu nhà ở liền kề với chiều cao 1-3 tầng khai thác tối đa cảnh quan và môi trường khu vực; thiết kế quy hoạch theo mạng ô cờ, kết nối với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có khu vực lân cận đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền:

- San nền khu vực quy hoạch trên nguyên tắc phù hợp với quy chung đã được phê duyệt, tuân thủ cao độ thiết kế các nút giao của mạng lưới đường giao thông hiện có; cao độ không chế từ +4,70m đến +8,00m; độ dốc nền thiết kế $i \geq 0,005$, đảm bảo thoát nước tự chảy, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phân lưu thoát nước các ô đất.

- Độ chặt yêu cầu của nền đắp $K=0,9$; nền đường đầm nén đạt $K=0,95$; riêng lớp trên cùng của nền đường (dày 0,3m) đạt độ chặt $K=0,98$. Vật liệu dùng để san

nền là đất cấp phối đồi.

b. Thoát nước mưa:

- Thu gom nước mặt thông qua hệ thống thoát nước trên các tuyến đường, sau đó đổ ra sông Thạch Hãn thông qua cửa xả ở phía Nam khu vực quy hoạch.

- Hệ thống cống: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải, bao gồm các tuyến cống tròn BTLT có $D=500\div 1000\text{mm}$ để thoát nước về tuyến mương chính phía Đông Bắc khu quy hoạch, sau đó xả ra sông Thạch Hãn.

- Bố trí giếng thu, giếng kiểm tra và ga thu nước dọc theo các tuyến cống thoát nước mưa, bố trí các giếng thu tại vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống, tại điểm xả các công trình để nạo vét bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa cống theo quy định.

10.2. Quy hoạch giao thông:

- Đường mặt cắt ngang 1-1: $(6+6,5+2+6,5+6)=27\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 2-2: $(6+11,5+2+11,5+6)=37\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 3-3: $(3+9+3) = 15\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 4-4: $(6+11+6) = 23\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 5-5: $(3+7+3) = 13\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 6-6: $(2+5,5+2) = 9,5\text{m}$.

10.3. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: nhu cầu phụ tải hiện có chưa đảm bảo nên cần đầu tư thêm trạm biến áp, xây dựng mới 01 trạm biến áp, công suất 256 KVA ở phía Đông khu quy hoạch, vị trí đặt tại các khu cây xanh; xây dựng mới và cải tạo đường dây trung áp, đường dây hạ áp cấp điện đến các hộ phụ tải.

- Trạm biến áp: sử dụng là loại trạm treo trên 02 cột, cấp điện áp 22/0,4kV, bảo vệ đóng cắt phía trung áp bằng cầu chì tự rơi, phía hạ áp bằng aptomat nhằm bảo đảm cấp nguồn cho khu vực dân cư và hệ thống điện chiếu sáng.

- Đường dây trung áp: sử dụng lưới điện 22kV, kết cấu lưới 3 pha 3 dây, trên cột LT 14mA&B&C, cáp sử dụng cáp nhôm bọc tối thiểu AL/XLPE-70mm²-12,7/24kV; bố trí trên vỉa hè đường tim móng cách bó vỉa hè hoàn thiện 1,0m.

- Đường dây 0,4kV: thiết kế đi trên không, bố trí trên 1 phía tuyến đường, tim tuyến cách bó vỉa hoàn thiện 1m; kết cấu lưới 3 pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp, 10,5mA&B&C cho tuyến đi độc lập, dây dẫn sử dụng cáp nhôm vặn xoắn LV/ABC 4x70mm², 95, 120mm²...phù hợp với phụ tải.

- Chiếu sáng đường phố: bố trí đi kết hợp với tuyến đường dây trung, hạ áp, độ cao treo đèn 9,0m; cấp nguồn và điều khiển tuyến chiếu sáng từ TBA khu vực 22/0,4KV với chế độ điều khiển đóng cắt tự động theo thời gian; sử dụng đèn LED công suất 70-120W ánh sáng trắng, độ chói trung bình đạt 0,75 cd/m; dùng loại cáp vặn xoắn đi nổi LV/ABC 4x25mm²; LV/ABC 4x16mm², phụ kiện treo cáp phù hợp với cáp vặn xoắn theo quy định.

10.4. Quy hoạch cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực 150 (l/người.ngày). Tỷ lệ dân số được cấp nước 100%.

- Nguồn nước cung cấp cho khu quy hoạch vẫn là nguồn lấy từ nhà máy nước thị xã Quảng Trị; mạng lưới đường ống cấp nước thiết kế theo hai mạng lưới: mạng vòng và mạng nhánh, đảm bảo cấp nước đủ lưu lượng đến các hộ tiêu dùng, đồng thời đảm bảo cấp đủ nước đầy đủ và kịp thời cho công tác PCCC.

10.5. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

- Mạng lưới thông tin có dạng hình tia kết hợp với dạng phân nhánh.
- Sử dụng cáp quang thuê bao từ tủ phân phối chính tới từng hộ sử dụng, cáp quang phải đảm bảo đặc tính cơ học và đặc tính truyền dẫn của cáp ổn định trong suốt quá trình lắp đặt và sử dụng, có khả năng chịu được tác động của môi trường, tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển, lắp đặt dễ hàn nối và sửa chữa.

10.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải: Nước thải từ mạng lưới thoát nước của khu vực chỉ là nước thải sinh hoạt gia đình, toàn bộ nước thải sẽ được xử lý tại bể phốt mỗi hộ gia đình (qua ngăn lắng và lọc) sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước chung. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là cống BTLT có D=300 theo chế độ tự chảy với độ dốc $i \geq 1/D$ (D: đường kính cống, mm).

b. Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt của tiểu khu phải được phân loại từ nguồn thải thành các chất thải rắn vô cơ, hữu cơ trước khi chuyển đến khu bãi xử lý. Toàn bộ rác thải sẽ được Trung tâm môi trường đô thị huyện thu gom và chuyển đến khu chôn lấp rác tập trung tại xã Triệu Ái để xử lý.

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm phối hợp với đơn vị tư vấn, UBND thị trấn Ái Tử và các cơ quan có liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch chi tiết để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Thủ trưởng các Phòng, Ban, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND thị trấn Ái Tử chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /g

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CPVP, CVct;
- Lưu: VTUB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN,
CHỦ TỊCH**



Phan Văn Linh

Số: 135 /QĐ-UBND

Triệu Phong, ngày 14 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Tiểu khu 6, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về
Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý Quy hoạch đô thị;
Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về
quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị
và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.
Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh
Quảng Trị về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử
huyện Triệu Phong đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
Căn cứ Công văn số 1708/SXD-QHKT ngày 12/11/2018 của Sở Xây dựng
về việc tham gia ý kiến Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 6, thị trấn
Ái Tử, huyện Triệu Phong;
Căn cứ Báo cáo số 70/BC-KTHT ngày 03/12/2018 của Phòng Kinh tế và Hạ
tầng về việc thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 6, thị trấn
Ái Tử, huyện Triệu Phong;
Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (Tờ trình số 142/TTr-
KTHT ngày 03/12/2018),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 6, thị
trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tiểu khu 6, thị
trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

2. Địa điểm: Tiểu khu 6, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Phong.

4. Tổ chức lập quy hoạch: Công ty Cổ phần Kiến trúc T'HOME.

5. Phạm vi và ranh giới quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 bao gồm toàn bộ Tiểu
khu 6 với diện tích 23,21 ha, có ranh giới như sau:

- Phía Bắc : giáp đường Nguyễn Du và Chùa Sắc Tứ.
- Phía Đông : giáp đường Đoàn Khuê.
- Phía Tây : giáp đường sắt Bắc - Nam.
- Phía Nam : giáp đường Lê Lợi.

6. Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: 23,21 ha.
- Quy mô dân số hiện trạng khu vực quy hoạch năm 2017: 600 người.

7. **Mục tiêu:** Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2358/QĐ-UBND ngày 27/9/2016.

8. Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng	Tầng cao
1	Đất ở	85.863,0	36,99		
2	Đất công cộng đô thị	2.921,0	1,26		
3	Đất công cộng đơn vị ở	1.364,0	0,59	40	1 - 2
4	Đất cơ quan	1.675,0	0,72	40	2 - 3
5	Đất trung tâm GDĐT	11.675,0	5,03	40	2 - 3
6	Đất trường mầm non	4.625,0	1,99	30	1 - 2
7	Đất cây xanh	47.337,0	20,40		
8	Mặt nước	8.437,0	3,64		
9	Đất giao thông	68.203,0	29,39		
	Tổng:	232.100,0	100,00		

9. Quy hoạch không gian và kiến trúc cảnh quan:

9.1. Trục không gian chủ đạo: Toàn bộ khu vực khai thác tối đa điểm nhìn từ đường Quốc lộ 1A. Bố trí không gian cảnh quan mặt nước kết hợp với các loại hình thương mại dịch vụ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế ở phía giáp với đường Nguyễn Du và chùa Sắc Tứ.

9.2. Các loại hình nhà ở: Hình thành các khu dân cư về phía Tây đường Lý Thái Tổ, tạo quỹ đất ở. Các khu nhà ở với chiều cao 2-5 tầng khai thác tối đa cảnh quan và môi trường khu vực.

9.3. Cây xanh: Hình thành khu vực công viên cây xanh TĐTT trung tâm, tạo không gian vui chơi giải trí, hoạt động cộng đồng, làm tăng không gian xanh trong đô thị, cải thiện môi trường sống cho khu ở, góp phần làm tăng mỹ quan đô thị cho khu vực.

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

10.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền:

- San nền khu vực quy hoạch trên nguyên tắc phù hợp với quy chung đã được phê duyệt, tuân thủ cao độ thiết kế các nút giao của mạng lưới đường giao thông; cao độ khống chế từ +8,0m đến +11,5m; độ dốc nền thiết kế $i \geq 0,004$, đảm bảo thoát nước tự chảy, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phân lưu thoát nước các ô đất.

- Độ chặt yêu cầu của nền đắp $K=0,9$; nền đường đầm nén đạt $K=0,95$; riêng lớp trên cùng của nền đường (dày 0,3m) đạt độ chặt $K=0,98$. Vật liệu dùng để san nền là đất cấp phối đồi.

b. Thoát nước mưa:

- Phân chia thành 2 lưu vực: lưu vực 1: toàn bộ khu vực phía Nam đường Đặng Thị thoát về Tiểu khu 1; lưu vực 2: toàn bộ khu vực phía Bắc đường Đặng Thị thoát về Tiểu khu 3.

- Hệ thống cống: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải, bao gồm các tuyến cống tròn BTLT có $D=500\div 1000\text{mm}$ để thoát nước về tuyến mương chính phía Đông Bắc khu quy hoạch.

- Bố trí giếng thu, giếng kiểm tra và ga thu nước dọc theo các tuyến cống thoát nước mưa, bố trí các giếng thu tại vị trí thay đổi tiết diện cống, chuyển hướng cống, tại điểm xả các công trình để nạo vét bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa cống theo quy định.

10.2. Quy hoạch giao thông:

Giao thông nội thị:

- Đường mặt cắt ngang 1-1: $(5,0+10,5+5,0) = 20,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 2-2: $(4,0+7,5+4,0) = 15,5\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 3-3: $(3,0+7,0+3,0) = 13,0\text{m}$.

- Đường mặt cắt ngang 4-4: $(2,0+5,5+2,0) = 9,5\text{m}$.

10.3. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: đấu nối vào tuyến đường dây trung áp thuộc xuất tuyến 472 trên đường Nguyễn Huệ và xuất tuyến 471 trên đường Lê Lợi.

- Trạm biến áp: nâng cấp TBA Tân Định từ 100kVA lên thành 300kVA và xây dựng mới 1TBA 300kVA. Trạm được sử dụng là loại trạm treo trên 02 cột, cấp điện áp 22/0,4kV, bảo vệ đóng cắt phía trung áp bằng cầu chì tự rơi, phía hạ áp bằng aptomat bảo đảm cấp nguồn cho khu vực dân cư và hệ thống điện chiếu sáng.

- Đường dây 0,4kV: thiết kế đi trên không, bố trí trên 1 phía tuyến đường, tìm tuyến cách bó vỉa hoàn thiện 0,5m; dây dẫn sử dụng cáp nhôm vặn xoắn LV/ABC 4x70mm², 95, 120mm²...phù hợp với phụ tải.

- Chiếu sáng đường phố: bố trí đi kết hợp với tuyến đường dây trung, hạ áp, độ cao treo đèn 9,0m; cấp nguồn và điều khiển tuyến chiếu sáng từ TBA xây dựng mới; sử dụng đèn LED công suất 70-120W ánh sáng trắng, độ chói trung bình đạt 0,75 cd/m.

10.4. Quy hoạch cấp nước:

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt khu vực 150 (l/người.ngày). Tỷ lệ dân số được cấp nước 100%.

- Nguồn nước cung cấp cho khu quy hoạch vẫn là nguồn lấy từ nhà máy nước thị xã Quảng Trị; mạng lưới đường ống cấp nước thiết kế theo hai mạng lưới: mạng vòng và mạng nhánh, đảm bảo cấp nước đủ lưu lượng đến các hộ tiêu dùng, đồng thời đảm bảo cấp đủ nước đầy đủ và kịp thời cho công tác PCCC.

10.5. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc:

- Mạng lưới thông tin có dạng hình tia kết hợp với dạng phân nhánh.

- Sử dụng cáp quang thuê bao từ tủ phân phối chính tới từng hộ sử dụng, cáp quang phải đảm bảo đặc tính cơ học và đặc tính truyền dẫn của cáp ổn định trong suốt quá trình lắp đặt và sử dụng, có khả năng chịu được tác động của môi trường,

tạo điều kiện thuận lợi trong việc vận chuyển, lắp đặt dễ hàn nối và sửa chữa.

10.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải: Nước thải từ mạng lưới thoát nước của khu vực chỉ là nước thải sinh hoạt gia đình, toàn bộ nước thải sẽ được xử lý tại bể phốt mỗi hộ gia đình (qua ngăn lắng và lọc) sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước chung. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế là cống BTLT có D=300 theo chế độ tự chảy với độ dốc $i \geq 1/D$ (D: đường kính cống, mm).

b. Chất thải rắn: Chất thải rắn sinh hoạt của tiểu khu phải được phân loại từ nguồn thải thành các chất thải rắn vô cơ, hữu cơ trước khi chuyển đến khu bãi xử lý. Toàn bộ rác thải sẽ được Trung tâm môi trường đô thị huyện thu gom và chuyển đến khu chôn lấp rác tập trung tại xã Triệu Ái để xử lý.

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng có trách nhiệm phối hợp với đơn vị tư vấn, UBND thị trấn Ái Tử và các cơ quan có liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch chi tiết để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết và thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Thủ trưởng các Phòng, Ban, Ngành liên quan, Chủ tịch UBND thị trấn Ái Tử chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận: *me*

- Như Điều 3;
- Ct, các PCT UBND huyện;
- CPVP, CVct;
- Lưu: VTUB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ✓
CHỦ TỊCH



Nguyễn Triều Thương